

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUAN SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 26/9/2024

V/v: Tranh chấp chia tài sản
sau khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN SƠN, TỈNH THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Văn Nhạn

2. Bà Hà Thị Hiếu

Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Ngày 26 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Lương Thị N - Sinh năm 1994

Địa chỉ: Bản C, xã P, huyện L, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: anh Phạm Bá A - Sinh năm 1992

Địa chỉ: khu phố X, thị trấn S, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng C.

Địa chỉ: Số 169 phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Anh T - Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

(Theo văn bản ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019).

Tại phiên tòa chị Lương Thị N, Ngân hàng Chính sách vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Phạm Bá A vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 02/4/2024, Bản tự khai ngày 02/4/2024 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Lương Thị N trình bày:*

Vào năm 2023 chị Lương Thị N và anh Phạm Bá A thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 11/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn. Khi giải quyết ly hôn thì chị N và anh A tự thỏa thuận với nhau về phần tài sản và công nợ mà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong thời kỳ hôn nhân chị N và anh A có khối tài sản chung, gồm: 01 nhà ở cấp 4, xây dựng khoảng năm 2015 bằng gạch vồ, lợp mái tôn, lát gạch hoa, chiều dài 09m x rộng 04m, diện tích 36m²; 01 công trình vệ sinh độc lập với nhà trên đất của bố mẹ đẻ anh A; 01 ao cá diện tích khoảng 60m².

Về nợ chung: chị N và anh A có vay của Ngân hàng C - Phòng giao dịch huyện Quan Sơn số tiền gốc 60.000.000đ, lãi suất 6,6%/năm, theo chương trình cho vay hộ nghèo vào ngày 27/4/2022. Chị N đã trả được 7.000.000đ nợ gốc và lãi đến hết tháng 3/2024, Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết chia đôi, mỗi bên chịu ½ nợ gốc kèm lãi phát sinh kể từ tháng 4/2024 trở đi. Cụ thể, chị N chịu 26.500.000đ nợ gốc và lãi phát sinh; anh A chịu 26.500.000đ nợ gốc và lãi phát sinh.

** Ngày 08/8/2024 chị Lương Thị N có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó: chị xin rút yêu cầu giải quyết phần tài sản, tiếp tục đề nghị tòa án giải quyết chia đôi khoản nợ Ngân hàng C tính đến hết tháng 3/2024 còn lại số nợ gốc: 53.000.000đ và lãi phát sinh đến khi thanh toán xong.*

Kèm theo đơn khởi kiện và bản tự khai, chị Lương Thị N còn nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: 01 Sổ vay vốn Ngân hàng C (bản sao); 01 Giấy ủy quyền ngày 11/9/2022 (bản sao chứng thực); 01 Biên lai thu lãi, thu tiền gửi; 01 Xác nhận thông tin về nơi cư trú; Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 31/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15/6/2023 của TAND huyện Quan Sơn (bản sao chứng thực); 01 Vận đơn; 01 Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ngày 02/4/2024; 01 Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện.

** Về bị đơn:* Trong quá trình giải quyết vụ án, anh A cũng có bản tự khai ngày 10/4/2024 với nội dung: Đối với nhà cấp 4, công trình vệ sinh, ao cá anh đề nghị không chia cho chị N; Đối với khoản nợ Ngân hàng C số tiền 60.000.000đ, trong quá trình đi làm anh có gửi tiền về cho chị N để trả nợ cho ngân hàng số tiền 53.000.000đ (đưa trực tiếp). Do vậy, đối với khoản vay này anh đề nghị chị N phải tiếp tục trả nợ cho ngân hàng, anh không có trách nhiệm đối với việc vay nợ này. Ngoài ra, khi ly hôn, anh và chị N mỗi người có trách nhiệm nuôi một con chung, cụ thể anh nuôi cháu Phạm Bá Đ, chị N nuôi Phạm Thị Thu H, nhưng thực tế hiện nay anh đang phải nuôi cả hai con chung nên anh đề nghị chị N phải có trách nhiệm trả các khoản chi phí anh đã phải chi trả để nuôi cháu Thu H từ tháng 6/2023 đến nay là 10.000.000đ.

Ngoài bản tự khai ngày 10/4/2024, anh A cung cấp bản photo danh sách thanh toán chi phí mua nguyên, vật liệu để xây dựng công trình vệ sinh. Đối với tài liệu, chứng cứ chứng minh việc đưa tiền cho chị N để trả nợ cho Ngân hàng và tài liệu, chứng cứ chứng minh để buộc chị N phải chịu chi phí anh nuôi cháu Thu H là 10.000.000đ thì anh A không cung cấp được. Anh A cũng không hợp tác, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, thực hiện quyền yêu cầu phản tố của bị đơn.

** Ông Lê Anh T - Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng C, trình bày:* Ngày 27/4/2022 Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Quan Sơn có cho hộ gia đình bà Lương Thị N và ông Phạm Bá A vay số tiền 60.000.000đ theo chương trình cho vay hộ nghèo; lãi suất 6,6%/năm. Đến ngày 26/9/2024 còn nợ lại số tiền nợ gốc là 53.000.000đ. Nay bà N khởi kiện chia công nợ chung với ông A thì ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

** Đối với ông Phạm Bá T và bà Lò Thị T:* khi thụ lý vụ án Tòa án xác định ông T, bà T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, đến ngày 08/8/2024 chị N có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó chị xin rút yêu cầu giải quyết phần tài sản. Tòa án đã ra Thông báo về việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện và tổng đạt hợp lệ cho ông T, bà T. Ông T, bà T không có ý kiến gì khác nên ông Phạm Bá T và bà Lò Thị T không còn là đương sự trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong các bản tự khai; ý kiến của đại diện VKSND. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt hai lần không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228; điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Thẩm quyền giải quyết: Đơn khởi kiện của nguyên đơn đã làm đúng theo mẫu quy định, nội dung khởi kiện phù hợp với khoản 1 điều 28 của BLTTDS; Bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Quan Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 của BLTTDS.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về phần tài sản chung: Trong quá trình giải quyết, chị Lương Thị N đã có đơn xin rút phần yêu cầu giải quyết về tài sản. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị N là tự nguyện, bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập. Do vậy, căn cứ Điều 217, Điều 218

Bộ luật dân sự, HĐXX đình chỉ giải quyết phần tài sản. Chị N có quyền khởi kiện lại phần tài sản chung.

[3.2] Về phần nợ chung: Chị Lương Thị N và anh Phạm Bá A đều thừa nhận có khoản nợ chung của Ngân hàng C số tiền 60.000.000đ.

Qua chứng cứ do đương sự cung cấp đó là đơn khởi kiện, bản tự khai; Sổ vay vốn. HĐXX xét thấy, đây là nợ chung của chị N và anh A nên chị N, anh A phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ. Do đó, chị N yêu cầu chia nghĩa vụ trả số tiền nợ là có căn cứ. Tính đến ngày 26/9/2024 số tiền nợ Ngân hàng C là 53.000.000đ, trong đó nợ gốc: 53.000.000đ, nợ lãi: 0đ.

HĐXX áp dụng các Điều 27, 33, 37, 59 luật HNGĐ; Điều 213, Điều 288, Điều 357, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự chấp nhận đơn khởi kiện của chị N đối với anh A. Theo đó, buộc chị N, anh A mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng C.

[4] Về án phí: Chị Lương Thị N và anh Phạm Bá A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Về tình tiết khác của vụ án: Việc anh Phạm Bá A đề nghị buộc chị N phải trả số tiền 10.000.000đ là số tiền anh phải nuôi dưỡng cháu Thu H trong thời gian ở với anh nhưng anh A không đến Tòa án để làm thủ tục phản tố, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh nên HĐXX không xem xét.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 217, Điều 218 của Bộ luật TTDS; các Điều 27, 33, 37, 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 213, Điều 288, Điều 357, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị N.

- *Về công nợ chung:* Chị Lương Thị N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C số tiền: 26.500.000 đồng, trong đó: nợ gốc: 26.500.000 đồng, nợ lãi là: 0 đồng. Anh Phạm Bá A có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C số tiền: 26.500.000 đồng, trong đó: nợ gốc: 26.500.000 đồng, nợ lãi là: 0 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/9/2024) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ giải quyết vụ án đối với phần tài sản, gồm: 01 nhà ở cấp 4, xây dựng khoảng năm 2015 bằng gạch vồ, lợp mái tôn, lát gạch hoa, chiều dài 09m x rộng 04m, diện tích 36m²; 01 công trình vệ sinh độc lập với nhà trên đất của bố mẹ đẻ anh A; 01 ao cá diện tích khoảng 60m².

Chị Lương Thị N có quyền khởi kiện lại vụ án đối với phần tài sản trên.

3. Về án phí:

- Chị Lương Thị N phải chịu 1.325.000 đồng (*Một triệu ba trăm hai lăm nghìn*) án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 1.412.500 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Sơn, theo biên lai thu số 0002485, ký hiệu BLTU/23 ngày 02/4/2024. Chị N được nhận lại 87.500 đồng (*tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng*).

- Anh Phạm Bá A phải chịu 1.325.000 đồng (*Một triệu một trăm ba mươi hai nghìn*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhân:

- VKSND huyện Quan Sơn;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án dân sự;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Xuân Tùng